ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1013/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 823TTr-SNN ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT với nội dung cụ thể như sau:

1. Diện tích chuyển mục đích sử dụng: 2,36 ha.

2. Địa điểm: Khoảnh 8, tiểu khu 78B, xã Hoài Mỹ; khoảnh 1, khoảnh 3, tiểu khu 78C, xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Quy hoạch: Rừng sản xuất 0,13 ha và rừng phòng hộ 2,23 ha.

4. Hiện trạng: Rừng trồng 2,32 ha và đất khác (đất sau khai thác rừng trồng) 0,04 ha.

5. Ranh giới: Được giới hạn bởi các điểm có tọa độ hệ VN-2000, kinh tuyến trục 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

6. Mục đích: Xây dựng Tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp, hướng dẫn đơn vị liên quan và Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh N.T.Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (17b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

VỊ TRÍ, ĐỊA ĐIỂM, DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG DỰ ÁN XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN, ĐOẠN QUA ĐÈO LỘ DIÊU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa điểm		Vị trí			Loại đất, loại rừng		Diện tích (m^2)
	Thị xã	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Ký hiệu	Hiện trạng	
Tổng	**1**	**2**	**2**	**3**	**75**			**23.619,05**
1	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	3	DTR	Keo	0,02
2	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	4	DTR	Keo	15,67
3	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	5	DTR	Keo	737,97
4	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	6	DTR	Keo	140,55
5	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	7	DTR	Keo	665,23
6	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	8	DTR	Keo	598,24
7	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	10	DTR	Keo	0,29
8	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	11	DTR	Keo	38,25
9	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	13	DTR	Keo	2.430,22
10	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	14	DTR	Keo	223,07
11	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	15	DTR	Keo	1.592,50
12	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	16	DTR	Keo	18,55
13	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	17	DTR	Keo	330,90
14	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	18	DTR	Keo	53,28
15	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	23	DTR	Keo	28,14
16	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	24	DTR	Keo	14,89
17	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	25	DTR	Phi lao	21,35
18	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	26	DTR	Keo	168,42
19	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	27	DTR	Phi lao	29,00
20	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	28	DTR	Keo	16,53
21	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	29	DTR	Keo	48,35
22	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	30	DTR	Keo	90,61
23	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	31	DTR	Keo	41,29
24	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	32	DTR	Keo	217,02
25	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	33	DTR	Keo	12,56
26	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	34	DTR	Keo	272,79
27	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	35	DTR	Keo	99,55
28	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	36	DTR	Keo	196,35
29	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	37	DTR	Keo	491,46
30	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	38	DTR	Keo	22,80
31	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	39	DTR	Keo	562,33
32	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	45	DTR	Keo	27,22
33	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	48	DTR	Keo	51,45
34	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	49	DTR	Keo	1,62

TT	Địa điểm		Vị trí			Loại đất, loại rừng		Diện tích (m^2)
	Thị xã	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Ký hiệu	Hiện trạng	
35	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	51	DTR	Keo	13,41
36	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	52	DTR	Keo	1,36
37	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	58	DTR	Keo	609,18
38	Hoài Nhơn	Hoài Mỹ	78B	8	59	DTR	Keo	65,27
39	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	1	5	DTR	Keo	79,07
40	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	1	6	DTR	Keo	47,62
41	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	1	DTR	Keo	4,74
42	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	2	DTR	Keo	0,55
43	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	3	DK	Đường sau khai thác	17,00
44	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	4	DTR	Keo	21,31
45	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	5	DK	Đường sau khai thác	28,27
46	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	6	DTR	Keo	2,11
47	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	7	DTR	Keo	5,16
48	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	8	DTR	Keo	44,27
49	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	9	DTR	Keo	17,45
50	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	10	DTR	Keo	26,57
51	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	11	DTR	Keo	290,91
52	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	12	DTR	Keo	4,75
53	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	13	DTR	Bạch đàn	2.277,32
54	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	14	DTR	Keo	3.220,32
55	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	15	DTR	Keo	3.177,74
56	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	16	DTR	Keo	26,77
57	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	17	DTR	Keo	0,96
58	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	18	DTR	Keo	2.793,25
59	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	19	DTR	Keo	11,38
60	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	20	DTR	Keo	2,61
61	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	21	DTR	Keo	36,05
62	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	22	DTR	Keo	32,35
63	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	23	DK	Đường sau khai thác	83,10
64	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	24	DTR	Keo	101,75
65	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	25	DK	Đường sau khai thác	191,02
66	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	26	DTR	Keo	133,15
67	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	27	DK	Đường sau khai thác	75,59
68	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	28	DTR	Keo	50,06
69	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	29	DK	Đường sau khai thác	32,86
70	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	30	DTR	Keo	56,93

TT	Địa điểm		Vị trí			Loại đất, loại rừng		Diện tích (m^2)
	Thị xã	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Ký hiệu	Hiện trạng	
71	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	31	DTR	Keo	4,69
72	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	32	DTR	Keo	484,55
73	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	33	DTR	Keo	170,79
74	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	34	DTR	Keo	21,08
75	Hoài Nhơn	Hoài Hải	78C	3	35	DTR	Keo	97,26